

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày: 04/7/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Phước và bà Lê Thị Hồng Huệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Phong.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:*
Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 07 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2024/TLST-HS ngày 05/6/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Hoàng ND, sinh ngày 23 tháng 01 năm 2006, tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Học sinh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; con ông Hoàng NB, sinh năm 1966 và bà Phan Thị T, sinh năm 1969, nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị; vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/02/2024 cho đến nay - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn TV, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Phan Thị T, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

+ Bà Phan Thị H, sinh năm 1964; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 29/12/2023, Hoàng ND đang ở nhà thì nghe bà Phan Thị T là mẹ của bị cáo ND cãi nhau với bà Phan Thị H, sinh năm 1964, hàng xóm ở cạnh nhà ND, về việc nước thải sinh hoạt nhà bà H chảy sang nhà bà T. Trong lúc cãi nhau bà T đòi đề đầu bà H xuống chỗ nước chảy nên bà H bức tức gọi điện cho con trai là Nguyễn TV, sinh năm 1989, trú tại thôn A, xã B, huyện C. Một lát

sau, TV về nhà thì nghe mẹ mình kể lại chuyện cãi nhau với bà T, nên bức xúc đi ra phía hàng rào ranh giới giữa hai nhà rồi nói rằng: “Con nào dám dận trốc mạ tao để tao chặt cho coi”. Nghe vậy, bà T ở trong nhà đi ra phía hàng rào, còn ND đứng trước sân xem có chuyện gì không. Bà T nói lại “Tau đây chứ ai” thì giữa TV và bà T xảy ra tranh cãi. Lúc này, TV thấy bà H đang cầm cây rựa chặt chuối trong vườn thì chạy tới giật cây rựa rồi nhảy qua hàng rào qua vườn bà T, bà H lo sợ TV đánh bà T nên cũng chạy theo. TV chạy đến chỗ bà T, tay cầm cây rựa đưa lên dọa chém thì bà T giật được cây rựa nên hai bên giằng co nhau. Bà H cũng chạy đến cầm cây rựa giằng co thì bị ngã xuống đất, bà T nằm chồm lên người bà H, còn TV đang đứng lên, cả ba người vẫn giằng co với nhau cây rựa. Lúc này, ND đang đứng ở sân, thấy việc TV cầm rựa dọa chém mẹ mình nên bức xúc chạy tới dùng chân đạp vào người TV, hai tay giật lấy cây rựa chém vào cánh tay trái của TV gây thương tích.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 49-24/KLTTCT-GDPY ngày 26/01/2024 của Trung tâm giám định y khoa-Pháp y, Sở y tế tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn TV tại thời điểm giám định là 15%.

Cáo trạng số 25/CT-VKSTP ngày 05/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong truy tố Hoàng ND về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, dẫn chiếu theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, Điều 36, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 90, Điều 91 và khoản 2 Điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hoàng ND 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Triệu Phong nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Hoàng ND cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra gia đình bị cáo ND đã bồi thường cho ông Nguyễn TV số tiền 8.785.000 đồng. Ông TV đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy vật chứng một cây rựa dài 80cm; cán được làm bằng gỗ hình trụ tròn dài 47cm; lưỡi rựa bằng kim loại dài 33cm, bản lưỡi rộng 4,5cm đã qua sử dụng. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Hoàng ND phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa: bà Phan Thị T trình bày: bà là mẹ của bị cáo Hoàng ND, quá trình anh Nguyễn TV nằm viện điều trị, con bà là bị cáo Hoàng ND đã tác động với bà nên bà đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền cho ông Nguyễn TV. Vì ND là con của bà nên bà không yêu cầu gì đối với ND.

Bà Phan Thị H trình bày, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ của bà một cây rựa nhưng đã cũ, bà đề nghị Tòa án xem xét, tịch thu tiêu hủy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Triệu Phong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng ND: Vào ngày 29/12/2023, tại thôn A, xã B, huyện C, do mâu thuẫn trong việc xả nước thải sinh hoạt giữa hai gia đình bà Phan Thị H và bà Phan Thị T nên khi thấy ông Nguyễn TV là con trai bà H cầm rựa dọa chém mẹ của bị cáo nên bị cáo đã có hành vi giật lấy cây rựa do ông Nguyễn TV đang cầm và chém vào cánh tay ông Nguyễn TV gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15% theo Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 49-24/KLTTCT-GDPY ngày 26/01/2024 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y của Sở y tế tỉnh Thừa Thiên Huế. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Do đó, hành vi của bị cáo Hoàng ND đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã sử dụng cây rựa là hung khí để gây thương tích đối với bị hại là 15% nên bị cáo đã phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, dẫn chiếu theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015. Điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự quy định “Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong truy tố bị cáo về tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi “Cố ý gây thương tích” là phạm pháp nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự ở địa phương, do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo ND, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa,

bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi thực hiện tội phạm của mình, bị cáo đã tác động với gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại với số tiền 8.785.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo là người chưa thành niên phạm tội khi tâm, sinh lý chưa được phát triển hoàn thiện. Bị hại là ông Nguyễn TV cũng có một phần lỗi, bởi lẽ quá trình bà Phan Thị T và bà Phan Thị H cãi vã nhau, ông TV không chứng kiến, còn bị cáo thì chứng kiến toàn bộ sự việc nhưng cũng không có hành vi nào xúc phạm đối với bà H là mẹ của ông TV. Ngược lại, ông TV chỉ nghe mẹ của mình là bà H kể lại chuyện mâu thuẫn do nước thải sinh hoạt thì ông TV lại sử dụng cây rựa là hung khí trong vụ án để đe dọa bà T là mẹ của bị cáo. Điều này gây tâm lý bức xúc cho bị cáo, dẫn đến bị cáo có hành vi phạm tội đối với ông TV. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, quá trình nhân thân của bị cáo cũng như diễn biến của hành vi phạm tội như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36, Điều 90, Điều 91, Điều 98 và Điều 100 Bộ luật hình sự cũng đủ sức giáo dục đối với bị cáo đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta đối với người chưa thành niên phạm tội. Giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương giám sát, giáo dục. Bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội nên không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Bị cáo bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, vì vậy cần phải ban hành Quyết định hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” số 35/LCDKNCT-TA ngày 05/6/2024 của Tòa án đối với bị cáo Hoàng ND theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo ND đã tác động mẹ của bị cáo là bà Phan Thị T đã bồi thường cho ông Nguyễn TV số tiền 8.785.000 đồng. Ông TV đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa: bà Phan Thị T trình bày: quá trình anh Nguyễn TV nằm viện điều trị, bà đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại cho ông Nguyễn TV. Số tiền này bà không yêu cầu bị cáo ND phải trả lại cho bà nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Ngày 22/5/2024, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 333/QĐ-ĐTTH trả lại cho chủ sở hữu là ông Hoàng Ngọc Q, sinh năm 1986; trú tại: thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị 01 cây dao chiều dài 63cm; cán dao được làm bằng gỗ dài 19cm; lưỡi dao bằng kim loại dài 44cm, bản lưỡi dao rộng 03cm. Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình điều tra, đã làm rõ cây dao này do ông Hoàng Ngọc Q đánh rơi ở vườn nhà của bà Phan Thị T. Ông Q và cây dao của ông Q không liên quan gì đến vụ án này nên Cơ quan

điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật. Riêng vật chứng 01 cây rựa dài 80cm; cán được làm bằng gỗ hình trụ tròn dài 47cm; lưỡi rựa bằng kim loại dài 33cm, bản lưỡi rộng 4,5cm đã qua sử dụng. Tại phiên tòa bà Phan Thị H là chủ sở hữu cây rựa từ chối nhận vì cây rựa đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Hoàng ND phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Hoàng ND phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 36; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 90; Điều 91, Điều 98 và khoản 2 Điều 100 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng ND 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Triệu Phong nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Hoàng ND cho Ủy ban nhân xã B, huyện C, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Triệu Thượng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy vật chứng 01 (Một) cây rựa dài 80cm; cán được làm bằng gỗ hình trụ tròn dài 47cm; lưỡi rựa bằng kim loại dài 33cm, bản lưỡi rộng 4,5cm đã qua sử dụng.

(Vật chứng nói trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, đặc điểm của vật chứng này được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa Công an huyện Triệu Phong và Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Hoàng ND phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Công an huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Phan Đăng Khoa

.